QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2015 VỀ THU GIỮ, BẢO QUẢN VÀ SỬ DỤNG DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN HOÀN THIỆN

■ **TS. TRẦN HỮU TIẾN***

Tóm tắt: *Bài viết phân tích, làm rõ sự cần thiết, tầm quan trọng của việc thu giữ, bảo quản và sử dụng dữ liệu điện tử trong tố tụng hình sự; phân tích các quy định của pháp luật về thu giữ, bảo quản và sử dụng dữ liệu điện tử trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021). Trên cơ sở đó, đề xuất hoàn thiện pháp luật liên quan về vấn đề này.*

Từ khóa: *Bộ luật Tố tụng hình sự; dữ liệu điện tử; chứng cứ điện tử; biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.*

Nhận bài: 10/8/2024 Hoàn thành biên tập: 28/8/2024 Duyệt đăng: 04/9/2024

Abstract: *The article analyzes and clarifies the necessity and importance of collecting, preserving and using electronic data in criminal proceedings; analyzes the provisions of law on collecting, preserving and using electronic data in the 2015 Criminal Procedure Code (amended and supplemented in 2021). On that basis, the article proposes to improve the law related to this issue.*

Keywords: *Criminal Procedure Code; electronic data; electronic evidence; special investigative measures.*

Article received: 10/8/2024 Editing completed: 28/8/2024 Approved for publication: 04/9/2024

1. Đặt vấn đề

Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 được ban hành có ý nghĩa to lớn đối với thực tiễn công tác điều tra, truy tố và xét xử các vụ án hình sự. Một trong số các quy định mới, tiến bộ nhằm phục vụ có hiệu quả cho yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới đó là quy định về nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử. Khi bổ sung một nguồn chứng cứ mới, đòi hỏi phải có những quy định tương ứng về việc thu thập, kiểm tra, đánh giá cũng như kiểm sát các hoạt động thu thập, kiểm tra, đánh giá loại chứng cứ đó, tạo tiền đề cho việc giải quyết đúng đắn vụ án hình sự, đặc biệt là các vụ án trong lĩnh vực công nghệ cao, những vụ án có sử dụng công nghệ thông tin là công cụ, phương tiện phạm tội. Do đây là chế định mới so với Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 nên việc nghiên cứu, làm rõ những quy định về thu giữ, bảo quản và sử dụng dữ liệu điện tử theo Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 có ý nghĩa rất lớn về mặt lý luận và thực tiễn. Bài viết tập trung phân tích 03 nội dung chính: (i) Một số vấn đề về dữ liệu điện tử trong tố tụng hình sự; (ii) Quy định của pháp luật về thu giữ, bảo quản, sử dụng dữ liệu điện tử; (iii) Vướng mắc trong thực tiễn thu giữ, bảo quản, sử dụng dữ liệu điện tử và một số kiến nghị hoàn thiện.

2. Một số vấn đề về dữ liệu điện tử trong tố tụng hình sự

2.1. Khái niệm dữ liệu điện tử

* *Trường Đại học Cảnh sát nhân dân*

Dữ liệu điện tử là một trong bảy nguồn chứng cứ quy định tại khoản 1 Điều 87 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2021 (Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015), làm cơ sở cho việc xác định hành vi phạm tội và xử lý tội phạm. Đây là quy định đòi hỏi cần nghiên cứu bản chất của dữ liệu điện tử để phân tích được các hoạt động tố tụng hình sự có liên quan. Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định: "1. Dữ liệu điện tử là ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự được tạo ra, lưu trữ, truyền đi hoặc nhận được bởi phương tiện, thiết bị điện tử. 2. Dữ liệu điện tử được thu thập từ phương tiện, thiết bị điện tử, mạng máy tính, mạng viễn thông, trên đường truyền và các nguồn điện tử khác". Điều này có nghĩa là, tất cả "những thứ" (dữ liệu) được tạo ra, lưu trữ, truyền đi hoặc nhận được bởi phương tiện, thiết bị điện tử là dữ liệu điện tử. Xem xét từ góc độ kỹ thuật, dữ liệu điện tử được tạo ra từ sự khởi chạy và hoạt động của các chương trình phần mềm được cài đặt trong phương tiện, thiết bị điện tử. Dữ liệu điện tử là hệ thống dữ liệu tồn tại dưới dạng những tín hiệu điện tử, được mã hóa và lưu trữ bằng hệ nhị phân, nó không tồn tại như dạng vật chất cụ thể bên ngoài, mà nó tồn tại (được lưu trữ) trong các phương tiện, thiết bị điện tử và có thể được truyền đi, nhận được bởi các phương tiện, thiết bị điện tử.

Với tư cách là một nguồn chứng cứ trong tố tụng hình sự, dữ liệu điện tử được hiểu là những phản ánh vật chất (thông tin, hình ảnh, màu sắc, âm thanh...) tồn tại dưới dạng kỹ thuật số, lưu giữ trong các phương tiện điện tử hoặc trên mạng máy tính, mạng viễn thông, phản ánh khách quan, trung thực về những tình tiết, diễn biến trong vụ án hình sự hoặc có liên quan đến vụ án hình sự nào đó đã xảy ra, được thu thập theo đúng trình tự tố tụng, được dùng làm căn cứ để xác định có hay không có hành vi phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa trong giải quyết vụ án hình sự theo quy định của pháp luật. Như vậy, dưới góc độ tố tụng hình sự, có thể đưa ra khái niệm dữ liệu điện tử như sau: Dữ liệu điện tử là một trong các nguồn chứng cứ được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự ở trạng thái tự nhiên, có trong các thiết bị, phương tiện điện tử hoặc được truyền đi, tiếp nhận từ các thiết bị, phương tiện điện tử, khi thông qua một phần mềm thích hợp (tương thích) thì các dữ liệu điện tử sẽ biểu hiện dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự mà con người có thể nhận biết được bằng các giác quan.

2.2. Mối quan hệ giữa chứng cứ điện tử và dữ liệu điện tử

Theo quy định tại Điều 86 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chứng cứ là những gì có thật, được thu thập theo trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định, được dùng làm căn cứ để xác định có hay không có hành vi phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án. Trong đó, "những gì có thật" có thể hiểu là những thông tin có thật.

Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 không đề cập đến thuật ngữ "chứng cứ điện tử" nhưng trong thực tiễn "đời sống" khoa học pháp lý có một số nhà khoa học sử dụng thuật ngữ này. Nghiên cứu cho thấy, có thể dùng thuật ngữ "chứng cứ điện tử" để chỉ những chứng cứ theo quy định tại Điều 86 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 có liên quan mật thiết hoặc được hình thành trực tiếp từ nguồn chứng cứ dữ liệu điện tử và như vậy, "chứng cứ điện tử" sẽ có thuộc tính của chứng cứ là tính khách quan, tính liên quan và tính hợp pháp. Nói cách khác, "chứng cứ điện tử" có thể hiểu là những thông tin có thật mà các chủ

thể tố tụng có được từ nguồn chứng cứ dữ liệu điện tử, được thu thập theo trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định, được dùng làm căn cứ để xác định có hay không có hành vi phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án.

Các dữ liệu điện tử là nguồn của chứng cứ điện tử nhưng không phải mọi dữ liệu điện tử đều có thể giúp khai thác chứng cứ điện tử bởi dữ liệu điện tử chỉ có thể sinh ra chứng cứ điện tử nếu dữ liệu điện tử đó có đủ ba thuộc tính của chứng cứ là tính khách quan, tính liên quan và tính hợp pháp. Dữ liệu điện tử có thể bị thay đổi hay phá hủy bởi cách mở, kiểm tra, lưu không đúng cách và có thể vô ý bị virus có sẵn trong máy tính, USB phá hủy. Vì vậy, cần sử dụng máy tính sạch virus, sử dụng phần mềm chuyên dụng do pháp luật quy định hoặc được thế giới công nhận để có thể phục hồi, tìm kiếm, thu thập, lưu trữ và kiểm tra loại chứng cứ này. Để trở thành nguồn chứng cứ, dữ liệu điện tử phải đáp ứng được các thuộc tính của chứng cứ là tính khách quan, tính hợp pháp và tính liên quan: (i) Dữ liệu này có thật, tồn tại khách quan, có nguồn gốc rõ ràng, không bị làm sai lệch, biến dạng; đã được tìm thấy và đang lưu trên máy tính, điện thoại di động, email, USB, tài khoản trên mạng, trên máy chủ của nhà cung cấp dịch vụ internet... (ii) Cán bộ thực hiện công tác phục hồi dữ liệu sử dụng công nghệ và phần mềm phục hồi dữ liệu, như thiết bị chống ghi ngược (Read Only) sao chép dữ liệu và chỉ sử dụng bản sao này để phục hồi, phân tích, tìm kiếm dữ liệu, chuyển thành dạng đọc được, nghe được, nhìn thấy được. Việc phục hồi dữ liệu chỉ được tiến hành trên bản sao, để bản gốc không bị tổn hại, có thể lặp lại quá trình này trước Tòa án; bản gốc phải được bảo quản theo đúng quy định. (iii) Tính liên quan thể hiện ở nguyên lý, công nghệ hình thành dấu vết điện tử, thông tin về không gian, thời gian hình thành dữ liệu, địa chỉ lưu trữ, nội dung thông tin, thời gian phạm tội...

3. Quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về thu giữ, bảo quản và sử dụng dữ liệu điện tử

3.1. Thu giữ, bảo quản phương tiện điện tử, dữ liệu điện tử

Theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, dữ liệu điện tử có thể được thu thập qua việc tiến hành các hoạt động tố tụng như: Khám xét người, chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện (Điều 192); cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền ra lệnh khám xét để thực hiện việc thu giữ dữ liệu điện tử (khoản 1 Điều 113); lệnh khám xét của cơ quan điều tra phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành (khoản 2 Điều 35); kiểm sát viên phải có mặt để kiểm sát việc khám xét (Điều 193); mọi trường hợp khám xét đều phải được lập biên bản đưa vào hồ sơ vụ án (các điều 133, 178 và 193).

Việc tiến hành các hoạt động tố tụng nêu trên để thu thập dữ liệu điện tử trước hết cần phải được thực hiện theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định gắn với từng hoạt động. Đây cũng là yếu tố đầu tiên bảo đảm tính hợp pháp của dữ liệu điện tử được thu thập. Trong quá trình tiến hành các hoạt động tố tụng này, khi phát hiện và quyết định thu giữ phương tiện điện tử, thu thập dữ liệu điện tử thì cần thực hiện đúng các quy định tại Điều 107 và Điều 196 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Việc thu giữ phương tiện điện tử, dữ liệu điện tử có thể mời người có chuyên môn về công nghệ thông tin tham gia. Đối với phương tiện điện tử, dữ liệu điện tử không thể thu giữ được thì phải sao lưu

vào phương tiện lưu trữ và thu giữ như đối với vật chứng. Khi thu giữ các phương tiện điện tử cần thu giữ thiết bị ngoại vi kèm theo (Điều 196 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015). Phương tiện điện tử, dữ liệu điện tử bị thu giữ phải được bảo quản nguyên vẹn (Điều 107, Điều 199 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015); các cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm bảo quản theo từng giai đoạn tố tụng, phải bảo quản nguyên vẹn (Điều 90 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015). Khi xuất trình chứng cứ là dữ liệu điện tử (tại phiên tòa) phải kèm theo phương tiện lưu trữ dữ liệu hoặc bản sao dữ liệu điện tử. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có quyền ra quyết định trưng cầu giám định để phục hồi, tìm kiếm, giám định dữ liệu điện tử; việc phục hồi, tìm kiếm, giám định dữ liệu điện tử chỉ được thực hiện trên bản sao; kết quả phải chuyển sang dạng có thể đọc, nghe hoặc nhìn được.

3.2. Sử dụng chứng cứ có nguồn từ dữ liệu điện tử

Về mặt khoa học, "sử dụng chứng cứ là hoạt động của các chủ thể có thẩm quyền tiến hành tố tụng dùng các thông tin, tài liệu đã đảm bảo tính khách quan, tính liên quan và tính hợp pháp để kết luận về các vấn đề của vụ án hình sự"[1]. Tuy nhiên, trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 không có thuật ngữ về "sử dụng chứng cứ" nói chung mà chỉ có những quy định liên quan đến việc sử dụng chứng cứ từ biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt và những quy định về sử dụng các nguồn chứng cứ, trong đó có nguồn dữ liệu điện tử.

Theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về việc sử dụng chứng cứ từ biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt thì: "Thông tin, tài liệu thu thập được bằng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt chỉ được sử dụng vào việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự; thông tin, tài liệu không liên quan đến vụ án phải tiêu hủy kịp thời. Nghiêm cấm sử dụng thông tin, tài liệu, chứng cứ thu thập được vào mục đích khác"[2]. Việc sử dụng chứng cứ từ nguồn dữ liệu điện tử không chỉ qua biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt mà còn do nhiều hoạt động và nhiều chủ thể khác tiến hành. Vì vậy, bên cạnh những quy định về sử dụng chứng cứ nói chung, chứng cứ từ biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt nói riêng, việc sử dụng chứng cứ từ nguồn dữ liệu điện tử cũng có những điểm riêng của nó. Bởi vì, "giá trị chứng cứ của dữ liệu điện tử được xác định căn cứ vào cách thức khởi tạo, lưu trữ hoặc truyền gửi dữ liệu điện tử; cách thức bảo đảm và duy trì tính toàn vẹn của dữ liệu điện tử; cách thức xác định người khởi tạo và các yếu tố phù hợp khác"[3].

Khác với chứng cứ truyền thống, giá trị sử dụng của chứng cứ từ nguồn dữ liệu điện tử không chỉ được dựa trên kết quả kiểm tra, đánh giá về các thuộc tính khách quan, liên quan và hợp pháp mà còn phải dựa thêm vào cả tiêu chí về cách thức bảo đảm và duy trì tính toàn vẹn của thông điệp dữ liệu điện tử và cách xác định của người khởi tạo thông điệp đó hoặc các yếu tố phù hợp khác. Cho dù việc thu được dữ liệu điện tử có khách quan, liên quan và hợp pháp nhưng nếu không được sử dụng phần mềm thích hợp, không có thiết bị và phương tiện điện tử thích hợp hay không có người có khả năng sử dụng thiết bị, phương tiện và phần mềm thì cũng không thể thấy, không thể nhận biết được các thông điệp của thông tin là chữ viết, chữ số, ký hiệu, âm thanh, hình ảnh hoặc dạng tương tự nên cũng không được dùng làm chứng cứ.

4. Vướng mắc, bất cập trong quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về thu giữ, bảo quản, sử dụng dữ liệu điện tử và một số kiến nghị hoàn thiện

Thứ nhất, Điều 107 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định về thu thập phương tiện điện tử, dữ liệu điện tử nhưng tại khoản 1 của Điều này lại quy định "phương tiện điện tử phải được thu giữ kịp thời, đầy đủ…" và "trường hợp không thể thu giữ phương tiện lưu trữ dữ liệu điện tử thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng sao lưu dữ liệu điện tử đó…". Qua quy định này dường như nhà làm luật đang đồng nhất hai khái niệm "thu thập phương tiện điện tử" và "thu giữ phương tiện điện tử"[4]. Tuy nhiên, Điều 196 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 lại điều chỉnh việc thu giữ phương tiện điện tử, dữ liệu điện tử. Quy định như vậy là chưa thống nhất và gây khó khăn trong quá trình áp dụng pháp luật. Vấn đề đặt ra là, thu thập dữ liệu điện tử vì dữ liệu điện tử mới là một nguồn chứng cứ, còn phương tiện điện tử chỉ là nơi mà dữ liệu điện tử được thu thập. Sau khi khám xét phương tiện điện tử có chứa dữ liệu điện tử là nguồn chứng cứ thì mới phát sinh việc thu thập dữ liệu điện tử và tiến hành thu giữ phương tiện điện tử chứa dữ liệu điện tử đó. Do đó, cần nghiên cứu để chỉnh sửa các quy định về thu giữ phương tiện điện tử tại Điều 107 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để nhập chung vào quy định tại Điều 196 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Thứ hai, việc công bằng tiếp cận chứng cứ của người bào chữa trong tố tụng hình sự là vấn đề khó nhưng rất quan trọng trong trường hợp là chứng cứ điện tử. Đặc thù của chứng cứ điện tử có thể được ngụy tạo, thay đổi cố ý hay vô ý, không có bản gốc để đối chiếu, so sánh. Vì vậy, muốn bảo đảm tính khách quan của chứng cứ, việc thu thập, khai thác chứng cứ điện tử cần được cho người bào chữa tham gia từ đầu; trong trường hợp không có người bào chữa hoặc không thể cho người bào chữa tham gia từ đầu thì phải trưng cầu chuyên gia hoặc người có kiến thức phù hợp với lĩnh vực công nghệ tham gia chứng kiến việc khám xét, thu thập, khai thác chứng cứ điện tử của cơ quan tố tụng. Vì vậy, Điều 88 và Điều 107 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cần được sửa đổi theo hướng, dành một khoản hoặc điều luật riêng quy định về điều tra, thu thập chứng cứ điện tử tại hiện trường, trong phòng thí nghiệm; đồng thời, cho phép người bào chữa cũng được quyền điều tra thu thập chứng cứ điện tử, do họ tự tiến hành, dưới sự giám sát của Tòa án. Chú trọng trình tự, thủ tục, yêu cầu công nghệ trong thu thập, lập biên bản thu giữ, bảo quản, sử dụng phương tiện, thiết bị điện tử, lưu giữ dữ liệu điện tử không thể giống như đối với vật chứng khác được, vì yêu cầu kỹ thuật và công nghệ cần phải được đáp ứng, nếu không sẽ không bảo đảm tính toàn vẹn của chứng cứ điện tử. Bên cạnh đó, bổ sung các điều luật về trình tự, thủ tục điều tra, thu thập, bảo tồn, khai thác, phân tích, giao nộp, báo cáo, sử dụng chứng cứ điện tử trong lĩnh vực hình sự; bổ sung điều luật về khám xét, khai thác máy tính, hệ thống máy tính để thu thập chứng cứ điện tử. Việt Nam nên thành lập cơ quan điều tra kỹ thuật số có chức năng điều tra các loại tội phạm trên không gian mạng và hỗ trợ điều tra kỹ thuật số, thu thập chứng cứ điện tử phục vụ các vụ án hình sự được điều tra bởi các cơ quan điều tra khác theo luật định.

Thứ ba, bổ sung, làm rõ quy định về khám nghiệm hiện trường kỹ thuật số, điện tử trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, quy định cụ thể về trường hợp bắt buộc trưng cầu giám định đối với dữ liệu điện tử, nhất là trường hợp phương tiện điện tử được dùng để khởi tạo, lưu trữ hoặc truyền gửi dữ liệu điện tử bị đối tượng phạm tội cố tình tác động tiêu hủy hoặc không hợp tác trong tìm kiếm, phục hồi, phát hiện, sao lưu, phân tích dữ liệu điện tử. Bên cạnh đó, cần quy định cụ thể những trường hợp

không thu giữ các phương tiện điện tử, do thực tế có những phương tiện điện tử không có ý nghĩa đối với việc giải quyết vụ án nhưng lại có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc sản xuất, kinh doanh..., cần phải liệt kê và phân loại phương tiện điện tử cần thu thập nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu các phương tiện điện tử. Ngoài ra, cũng cần quy định cụ thể về việc chặn thu dữ liệu điện tử như trình tự, thủ tục chặn thu, yêu cầu của việc chặn thu; trách nhiệm của cơ quan tiến hành chặn thu cũng như các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan; đặc biệt liên quan tới mạng internet và các dịch vụ gia tăng khác.

Về cách thức thu thập bí mật dữ liệu điện tử, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã chính thức thừa nhận biện pháp thu thập bí mật dữ liệu điện tử như một biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Khoản 2 Điều 225 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định về chủ thể trực tiếp thi hành quyết định áp dụng biện pháp thu thập bí mật dữ liệu điện tử là "cơ quan chuyên trách trong Công an nhân dân, Quân đội nhân dân theo quy định của pháp luật có trách nhiệm thi hành quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt", song chưa quy định cụ thể cơ quan, đơn vị nào là "cơ quan chuyên trách", trong khi đó, theo Điều 5 Thông tư số 11/2020/TT-BCA ngày 06/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công trách nhiệm phối hợp thực hiện các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong Công an nhân dân thì cơ quan chuyên trách trong Công an nhân dân có trách nhiệm thi hành quyết định áp dụng phương pháp điều tra tố tụng đặc biệt là đơn vị kỹ thuật nghiệp vụ, đơn vị an ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, đơn vị ngoại tuyến. Bên cạnh đó, các quy định này chỉ dừng lại ở việc ghi nhận các thủ tục cần thiết trước khi tiến hành mà không quy định thủ tục pháp lý sau khi tiến hành các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt này; các thông tin, tài liệu thu thập được sẽ được bảo quản, lưu trữ như như thế nào, có giống như việc bảo quản, lưu trữ các loại nguồn chứng cứ thông thường hay không. Thiết nghĩ, vấn đề này cần được quy định chặt chẽ bởi nó có liên hệ đến quyền con người, quyền công dân về quyền được bảo đảm bất khả xâm phạm về chỗ ở, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín. Do đó, các cơ quan chức năng cần có văn bản hướng dẫn nghiệp vụ về công tác này.

Thứ tư, mặc dù Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn có liên quan đã đề cập đến việc thu thập, khai thác dữ liệu điện tử nhưng vẫn tồn tại những thiếu sót nhất định cần phải hoàn thiện về khái niệm, về trình tự, thủ tục thu thập, khai thác dữ liệu điện tử hoặc có những văn bản hướng dẫn "dạng tương tự" ngoài ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh là dạng nào, tồn tại như thế nào, mang đặc điểm nổi bật gì và việc thi hành các điều luật này như thế nào; các chế tài, cưỡng chế để bảo đảm việc thực hiện ra sao trong trường hợp đối tượng không hợp tác nhưng không đủ căn cứ để ra lệnh khám xét, nhất là việc cơ chế phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong việc cung cấp các yêu cầu cho Cơ quan điều tra. Vì vậy, cần nghiên cứu bổ sung lĩnh vực giám định dữ liệu điện tử vào Luật Giám định tư pháp năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và các thông tư, văn bản hướng dẫn có liên quan để chủ động thực hiện khi có yêu cầu. Sau khi đã bổ sung, hoàn thiện quy định pháp luật nêu trên, Bộ Công an cần bổ sung các biểu mẫu có liên quan đến các hoạt động thu thập dữ liệu điện tử vào Thông tư số 61/2017/TT-BCA ngày 14/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về điều tra hình sự để thống nhất thực hiện[5].

Bên cạnh đó, cần bổ sung quy định về vai trò, nhiệm vụ và trách nhiệm của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng và lực lượng làm công tác chuyên môn có liên quan đến việc thu thập, kiểm tra, đánh giá và sử dụng chứng cứ từ nguồn dữ liệu điện tử cũng như trong khi áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, bởi lẽ, những thông tin từ nguồn dữ liệu điện tử rất lớn, có thể liên quan bí mật điều tra, bí mật đời tư… Việc để lộ, lọt những thông tin từ nguồn dữ liệu điện tử, nhất là khi tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt không chỉ làm cho đối tượng cảnh giác, tìm cách đối phó, tạo ra thông tin sai lệch, đánh lạc hướng cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hay có biểu hiện chống đối… mà còn có thể ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm, các quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân khác.

Ngoài ra, cần có hướng dẫn về thành phần, quy trình tiến hành việc kiểm tra, cắt, trích, sao chép thông tin về âm thanh, hình ảnh từ nguồn dữ liệu điện tử và đặc biệt là từ kết quả tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt để sử dụng làm chứng cứ theo hướng thành phần tham gia phải có điều tra viên, kiểm sát viên, các chuyên gia kỹ thuật có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm liên quan đến biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt được áp dụng. Trong trường hợp cần thiết, có thể cho người bào chữa, người bị buộc tội, người tham gia tố tụng khác cùng tham gia.

5. Kết luận

So với Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã có những sửa đổi quan trọng về chứng cứ và chứng minh, giúp cho quá trình tố tụng được diễn ra nhanh chóng, khách quan và toàn diện hơn, bảo vệ tốt quyền con người thông qua những quy định cụ thể, đáp ứng yêu cầu đề ra của Hiến pháp năm 2013 và Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã bổ sung một số nguồn chứng cứ mới, trong đó có nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử. Đây là bước tiến vượt bậc, phù hợp với tình hình tội phạm công nghệ đang diễn biến phức tạp trong thực tiễn, đồng thời phù hợp với các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Quy định này là sự hợp thức hóa việc thu giữ dữ liệu điện tử khi khám nghiệm hiện trường, giúp cho hoạt động bảo quản phương tiện điện tử, phương tiện lưu trữ dữ liệu điện tử sau khi thu giữ được diễn ra liền mạch theo đúng quy định của pháp luật, giúp cơ quan có thẩm quyền tránh lúng túng khi thực hiện nhiệm vụ... Tuy nhiên, những quy định về thu thập phương tiện điện tử, dữ liệu điện tử cũng như cách thức thu thập bí mật dữ liệu điện tử vẫn còn tồn tại một số hạn chế, gây khó khăn cho quá trình áp dụng, cần sớm được bổ sung và hoàn thiện trong thời gian tới ❑

---

1. Cục Đào tạo, Bộ Công an (2023), Giáo trình Luật tố tụng hình sự (dùng chung đào tạo trình độ Đại học trong Công an nhân dân), Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, tr. 195.

2. Khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

3. Trần Thanh Phước (2020), Thu thập dữ liệu điện tử, phương tiện điện tử trong điều tra vụ án xâm phạm an ninh quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh, Luận văn Thạc sỹ, Trường Đại học An ninh nhân dân.

4. Trần Tuấn Tú (2021), Một số đề xuất hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về dữ liệu điện tử và thu thập dữ liệu điện tử, Kỷ yếu hội thảo Dữ liệu điện tử trong điều tra vụ án hình sự, Học viện An ninh nhân dân, tr. 54.

5. Lê Thanh Nghị, Hoàng Thị Minh Phương, 2021, Hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự về chứng cứ từ nguồn dữ liệu điện tử, Tạp chí Khoa học Kiểm sát, số chuyên đề 01, tr. 44.